

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

---

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

**Báo cáo tài chính năm 2017 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**đã được kiểm toán**



## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 29



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần City Auto (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2017 kết thúc ngày 31/12/2017.

Công ty Cổ Phần City Auto (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 17/12/2015 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh.

### **Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:**

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết : bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

### **Hình thức sở hữu vốn**

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 180.000.000.000 VND

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/12/2017: 180.000.000.000 VND

### **Hội đồng quản trị Công ty gồm:**

Ông : Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT
Ông : Trần Lâm	Thành viên
Ông : Trần Trung Chánh	Thành viên
Ông : Võ Thanh Phong	Thành viên
Ông : Nìm Vuồn Phu	Thành viên

### **Ban Tổng giám đốc Công ty gồm:**

Ông : Trần Trung Chánh	Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà : Lê Thị Phú	Giám đốc tài chính

### **Ban kiểm soát gồm:**

Bà : Phạm Thị Mỹ Dung	Trưởng ban
Bà : Nguyễn Thị Tâm	Thành viên
Bà : Lê Thị Thương Thương	Thành viên

### **Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập 31/12/2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



Số: ~~1824~~.../BCKT/TC/2018/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc**  
**Công ty Cổ Phần City Auto**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần City Auto, được lập ngày 01 tháng 3 năm 2018, từ trang 07 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 22 tháng 3 năm 2018

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán**

**và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

**Phó Tổng Giám Đốc**



**LÊ VĂN TUẤN**

Số Giấy CNĐKHNKT 0479-2018-142-1

**Kiểm toán viên**

**LÊ VĂN THẮNG**

Số Giấy CNĐKHNKT 0974-2018-142-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>383.444.574.864</b>	<b>284.500.915.717</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.01	<b>5.470.427.708</b>	<b>4.772.989.939</b>
1. Tiền	111		5.470.427.708	4.772.989.939
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>		<b>229.712.367.179</b>	<b>131.167.785.077</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	95.078.605.444	101.495.301.728
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		526.264.017	11.401.793.584
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03a	133.722.535.371	17.901.540.687
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.04	384.962.347	369.149.078
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	V.05	<b>144.072.437.458</b>	<b>142.767.116.991</b>
1. Hàng tồn kho	141		144.299.154.446	144.087.671.478
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(226.716.988)	(1.320.554.487)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>4.189.342.519</b>	<b>5.793.023.710</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	2.414.393.310	1.666.994.129
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11b	1.774.949.209	4.126.029.581
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>184.502.162.150</b>	<b>188.740.412.667</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>32.110.675.499</b>	<b>32.355.425.499</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.03b	32.110.675.499	32.355.425.499
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>99.277.242.246</b>	<b>99.815.972.445</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	15.098.032.623	15.793.497.822
- Nguyên giá	222		25.719.880.058	24.259.938.978
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.621.847.435)	(8.466.441.156)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	84.179.209.623	84.022.474.623
- Nguyên giá	228		84.464.059.623	84.307.324.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(284.850.000)	(284.850.000)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		<b>860.042.273</b>	<b>2.627.200.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		860.042.273	2.627.200.000
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>		<b>51.500.000.000</b>	<b>51.500.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.09	51.500.000.000	51.500.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>754.202.132</b>	<b>2.441.814.723</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	754.202.132	2.441.814.723
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>567.946.737.014</b>	<b>473.241.328.384</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>357.701.435.413</b>	<b>270.456.573.010</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>357.701.435.413</b>	<b>268.817.489.374</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	19.043.004.446	16.662.599.801
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.171.432.528	9.630.321.424
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11a	953.752.470	2.512.520.794
4. Phải trả người lao động	314		2.705.034.633	5.053.254.234
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	2.140.755.196	1.342.410.298
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	6.800.245.752	6.162.838.749
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	316.802.742.900	226.433.026.876
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	2.084.467.488	1.020.517.198
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>1.639.083.636</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	1.639.083.636
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.16	<b>210.245.301.601</b>	<b>202.784.755.374</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>210.245.301.601</b>	<b>202.784.755.374</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.897.892.148	2.727.191.566
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.347.409.453	20.057.563.808
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.198.487.064)	(1.649.442.002)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.545.896.517	21.707.005.810
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>567.946.737.014</b>	<b>473.241.328.384</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Võ Chí Tâm

Người lập biểu

Ngày 01 tháng 3 năm 2018

Lê Thị Phú

Giám đốc tài chính

Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc





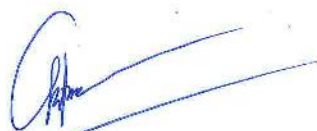
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	2.100.879.283.972	1.944.075.357.905
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.160.621.831	32.747.840
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.097.718.662.141	1.944.042.610.065
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	2.003.834.806.831	1.828.195.298.784
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		93.883.855.310	115.847.311.281
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	5.369.709.870	2.620.784.894
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	14.376.375.809	9.455.876.499
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.376.375.809	9.455.876.499
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	75.005.506.507	79.358.165.726
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	25.636.484.356	19.287.144.970
10.	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15.764.801.492)	10.366.908.980
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	41.488.117.917	14.777.609.670
12.	Chi phí khác	32	VI.08	390.801.642	981.174.882
13.	Lợi nhuận khác	40		41.097.316.275	13.796.434.788
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.332.514.783	24.163.343.768
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	425.701.902	2.677.954.322
16.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		(1.639.083.636)	(221.616.364)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.545.896.517	21.707.005.810

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Võ Chí Tâm

Người lập biểu

Ngày 01 tháng 3 năm 2018



Lê Thị Phú

Giám đốc tài chính




Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

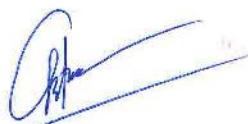
(theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

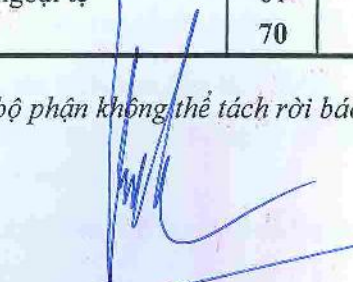
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>25.332.514.783</b>	<b>24.163.343.768</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.457.997.369	2.780.024.034
Các khoản dự phòng	03	(1.093.837.499)	(5.738.821.464)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.128.012.871)	(2.591.080.149)
Chi phí lãi vay	06	14.376.375.809	9.455.876.499
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>36.945.037.591</b>	<b>28.069.342.688</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(90.593.472.388)	(38.346.373.279)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(211.482.968)	(69.894.926.985)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(937.861.731)	5.029.396.656
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	940.213.410	(1.203.121.513)
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.376.375.809)	(9.455.876.499)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.042.260.446)	(525.530.378)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	150.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(171.400.000)	(156.550.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(70.297.602.341)</b>	<b>(86.483.639.310)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, tài sản dài hạn khác	21	(8.825.624.625)	(12.614.555.906)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tài sản dài hạn khác	22	7.431.818.183	3.707.069.044
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.430.528	2.620.784.894
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.379.375.914)</b>	<b>(6.286.701.968)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	1.756.106.787.650	1.401.663.631.567
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.665.737.071.626)	(1.305.545.014.115)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.995.300.000)	(9.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>72.374.416.024</b>	<b>87.118.617.452</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>697.437.769</b>	<b>(5.651.723.826)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.772.989.939</b>	<b>10.424.713.765</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5.470.427.708</b>	<b>4.772.989.939</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Võ Chí Tâm  
 Người lập biểu  
 Ngày 01 tháng 3 năm 2018



Lê Thị Phú  
 Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh  
 Tổng Giám đốc

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2017**

### **I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 17/12/2015 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty đã được chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 6315/UBCK-GSĐC ngày 19/9/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

#### **2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Thương mại – Dịch vụ**

#### **3- Ngành nghề kinh doanh:**

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng**

#### **5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.**

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2017.

#### **6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các Chi nhánh hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003.

#### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Trong năm 2017, Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

#### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công ty áp dụng theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

#### 2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

##### - Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### - Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ ra "đồng Việt Nam" theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ

#### 2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

### **3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

#### **- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

#### **- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ**

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

#### **- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### **4- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

#### **- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

#### **Phần mềm kế toán**

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

#### **- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng trừ dần nguyên giá tài sản cố định, thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm



## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

### 5- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn...

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý;

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá 01 chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Còn các chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên 01 chu kỳ sản xuất thông thường thì được trình bày là chi phí trả trước dài hạn.

### 6- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

*Đầu tư vào Công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### 7- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

### 8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

### **10- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

### **11- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

### **12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **13- Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

### 14- Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 15- Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 16- Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 17- Công cụ tài chính

#### Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu





## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua.

### Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):** Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### 18- Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>				
Tiền mặt	1.612.297.358	-	1.231.796.698	-
Tiền gửi ngân hàng	3.858.130.350	-	3.541.193.241	-
<b>Cộng</b>	<b>5.470.427.708</b>	-	<b>4.772.989.939</b>	-
<b>2. Phải thu của khách hàng</b>				
<b>Ngắn hạn</b>				
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% trên tổng phải thu khách hàng)	88.133.849.543	-	93.452.811.065	-
- Phải thu các Bên liên quan				
+ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	-	-	68.129.820	-
+ Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ	126.322.558	-	383.271.806	-
+ Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang	6.818.433.343	-	7.591.089.037	-
<b>Cộng</b>	<b>95.078.605.444</b>	-	<b>101.495.301.728</b>	-
<b>3. Phải thu khác</b>				
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu khác từ Công ty Ford Việt Nam	16.983.690.870	-	8.671.418.177	-
- Phải thu khác từ Công ty TNHH SX XD TM Hưng Nhân	1.421.636.364	-	-	-
- Phải thu khác từ Ông Trần Ngọc Dân	1.150.000.000	-	-	-
- Phải thu khác các Bên liên quan				
+ Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang	1.878.726.578	-	1.873.206.162	-
+ Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ	5.356.289.230	-	1.005.633	-
+ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	104.982.458.922	-	5.000.000.000	-
- Các khoản tạm ứng	484.512.144	-	1.061.384.211	-
- Ký quỹ ngắn hạn khác	81.514.560	-	20.014.560	-
- Các khoản phải thu khác	1.383.706.703	-	1.274.511.944	-
<b>Cộng</b>	<b>133.722.535.371</b>	-	<b>17.901.540.687</b>	-
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký quỹ thuê văn phòng Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	28.034.102.400	-	28.034.102.400	-
- Ký quỹ dài hạn khác	4.076.573.099	-	4.321.323.099	-
<b>Cộng</b>	<b>32.110.675.499</b>	-	<b>32.355.425.499</b>	-
<b>4. Tài sản thiếu chờ xử lý</b>				
- Tạm ứng ở CN Bà Rịa	-	-	34.700.651	-
- Hàng tồn kho ở kho Hồ Chí Minh	48.669.790	-	8.999.525	-
- Hàng tồn kho ở Bà Rịa	10.843.655	-	-	-
- Hàng tồn kho ở kho Nha Trang	325.448.902	-	325.448.902	-
<b>Cộng</b>	<b>384.962.347</b>	-	<b>369.149.078</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	3.089.155	-	3.278.104	-
- Chi phí sản xuất dở dang	1.587.409.243	-	1.054.610.564	-
- Hàng hóa (5.1)	142.708.656.048	(226.716.988)	143.029.782.810	(1.320.554.487)
<b>Cộng</b>	<b>144.299.154.446</b>	<b>(226.716.988)</b>	<b>144.087.671.478</b>	<b>(1.320.554.487)</b>

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu là giá trị vật tư, phụ tùng thay thế đã thay thế, lắp ráp vào xe của khách hàng, chờ hoàn thành, quyết toán.

**(5.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xe mới các loại	120.563.582.792	121.508.419.169
Xe cũ các loại	1.401.645.409	1.872.727.272
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Hồ Chí Minh	13.938.507.221	12.411.195.890
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Vũng Tàu	2.214.529.908	1.798.081.987
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Bà Rịa	4.590.390.718	5.439.358.492
<b>Cộng</b>	<b>142.708.656.048</b>	<b>143.029.782.810</b>

**Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

- Số dư đầu năm	Năm 2017 (1.320.554.487)
- Trích lập dự phòng	-
- Hoàn nhập dự phòng	1.093.837.499
- Số dư cuối năm	<b>(226.716.988)</b>

**6. Chi phí trả trước****a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	719.809.589	431.659.919
- Vật tư sơn chờ kết chuyển	600.788.676	478.903.566
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	1.093.795.045	756.430.644
<b>Cộng</b>	<b>2.414.393.310</b>	<b>1.666.994.129</b>

**b) Dài hạn**

- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	478.026.158	1.824.330.100
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	276.175.974	617.484.623
<b>Cộng</b>	<b>754.202.132</b>	<b>2.441.814.723</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

7. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.539.688.456	-	-	8.539.688.456
Máy móc, thiết bị	5.838.477.868	-	-	5.838.477.868
Phương tiện vận tải	9.383.808.182	10.436.047.352	8.976.106.272	10.843.749.262
Thiết bị, dụng cụ quản lý	497.964.472	-	-	497.964.472
<b>Cộng</b>	<b>24.259.938.978</b>	<b>10.436.047.352</b>	<b>8.976.106.272</b>	<b>25.719.880.058</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	5.488.474.565	628.329.624	-	6.116.804.189
Máy móc, thiết bị	1.618.517.985	911.507.993	-	2.530.025.978
Phương tiện vận tải	1.014.135.014	1.881.027.024	1.302.591.090	1.592.570.948
Thiết bị, dụng cụ quản lý	345.313.592	37.132.728	-	382.446.320
<b>Cộng</b>	<b>8.466.441.156</b>	<b>3.457.997.369</b>	<b>1.302.591.090</b>	<b>10.621.847.435</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	3.051.213.891			2.422.884.267
Máy móc, thiết bị	4.219.959.883			3.308.451.890
Phương tiện vận tải	8.369.673.168			9.251.178.314
Thiết bị, dụng cụ quản lý	152.650.880			115.518.152
<b>Cộng</b>	<b>15.793.497.822</b>			<b>15.098.032.623</b>

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do mua sắm mới, giảm do nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.206.205.513 đồng.

8. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	284.850.000	156.735.000	-	441.585.000
<b>Cộng</b>	<b>84.307.324.623</b>	<b>156.735.000</b>	-	<b>84.464.059.623</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	284.850.000	-	-	284.850.000
<b>Cộng</b>	<b>284.850.000</b>	-	-	<b>284.850.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	-			156.735.000
<b>Cộng</b>	<b>84.022.474.623</b>			<b>84.179.209.623</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 284.850.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Công ty con	51.500.000.000	51.500.000.000	-	51.500.000.000	51.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>51.500.000.000</b>	<b>51.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>51.500.000.000</b>	<b>51.500.000.000</b>	<b>-</b>

**Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo GCN ĐKKD	Tỷ lệ vốn góp theo thực tế	Giá trị vốn góp đến cuối kỳ này
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ	97%	97%	35.000.000.000
- Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang	55%	55%	16.500.000.000
<b>Cộng</b>			<b>51.500.000.000</b>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	7.224.517.962	7.224.517.962	8.261.519.337	8.261.519.337
- Công ty TNHH Minh Long	6.559.124.805	6.559.124.805	392.890.700	392.890.700
- Phải trả các bên liên quan				
+ Công ty CP TĐ Tân Thành Đô	-	-	5.479.078.000	5.479.078.000
+ Công ty CP ô tô Phú Mỹ	15.874.177	15.874.177	724.394	724.394
+ Công ty CP ô tô Nha Trang	2.325.072.133	2.325.072.133	858.775.983	858.775.983
- Các đối tượng khác	2.918.415.369	2.918.415.369	1.669.611.387	1.669.611.387
<b>Cộng</b>	<b>19.043.004.446</b>	<b>19.043.004.446</b>	<b>16.662.599.801</b>	<b>16.662.599.801</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu từ Nhà nước**

a) Phải nộp	Số phải nộp		Số đã thực nộp	
	Số đầu năm	trong năm	trong năm	Số cuối năm
- Thuế GTGT phải nộp	42.066.351	1.896.610.097	1.894.817.410	43.859.038
- Thuế TNDN	2.305.057.343	425.701.902	2.042.260.446	688.498.799
- Thuế TNCN	165.397.100	2.091.221.395	2.035.223.862	221.394.633
- Thuế khác	-	1.426.636.364	1.426.636.364	-
<b>Cộng</b>	<b>2.512.520.794</b>	<b>5.840.169.758</b>	<b>7.398.938.082</b>	<b>953.752.470</b>
b) Phải thu	Số phải thu		Số đã thực thu	
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	4.126.029.581	207.930.354.715	210.281.435.087	1.774.949.209
<b>Cộng</b>	<b>4.126.029.581</b>	<b>207.930.354.715</b>	<b>210.281.435.087</b>	<b>1.774.949.209</b>

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam	610.828.865	578.310.975
- Trích trước chi phí thuê ngoài gia công	831.178.000	-
- Chi phí phải trả khác	698.748.331	764.099.323
<b>Cộng</b>	<b>2.140.755.196</b>	<b>1.342.410.298</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

13. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ xử lý ở kho Hồ Chí Minh	206.789.498	95.713.832
- Tài sản thừa chờ xử lý ở kho Bà Rịa	25.734.767	5.784.954
- Chi hộ Công ty Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng	1.843.769.280	2.286.853.677
- Phải trả Ông Nguyễn Đăng Hoàng	-	874.039.641
- Phải trả Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	2.715.895.641	-
- Phải trả cổ tức	4.700.000	-
- Phải trả khách hàng tiền đặt cọc	133.925.050	1.030.498.458
- Các khoản phải trả khác	1.869.431.516	1.869.948.187
<b>Cộng</b>	<b>6.800.245.752</b>	<b>6.162.838.749</b>

**14. Vay và nợ thuê tài chính**

Ngắn hạn	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
		Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	
- NH Ngoại thương (14.1)	113.471.297.376	759.469.128.000	753.108.141.376	119.832.284.000
- NH Xuất nhập khẩu (14.2)	-	22.906.412.000	-	22.906.412.000
- NH Công thương	-	176.030.193.000	176.030.193.000	-
- NH Bảo Việt (14.3)	49.882.840.000	305.796.921.400	272.250.784.000	83.428.977.400
- NH Quân đội (14.4)	63.078.889.500	400.373.545.000	406.909.508.000	56.542.926.500
- NH Quốc tế (14.5)	-	91.530.588.250	57.438.445.250	34.092.143.000
<b>Cộng</b>	<b>226.433.026.876</b>	<b>1.756.106.787.650</b>	<b>1.665.737.071.626</b>	<b>316.802.742.900</b>

(14.1) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam** - Chi nhánh Tp.HCM theo hợp đồng tín dụng số 01/CV-0083/KHDN1/17NH ngày 04/5/2017 với tổng hạn mức vay là 120 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 03/5/2018, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp.HCM được quy định cụ thể tại các hợp đồng thế chấp kèm theo.

(14.2) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam** - chi nhánh Hòa Bình theo hợp đồng số 1007-LAV-201701434 ngày 22/12/2017 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 187/EIB.HB-KHDN/TC/2017 ngày 22/12/2017 và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay.

(14.3) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Bảo Việt** - Chi nhánh Tp.HCM theo hợp đồng số 0521/2016/HĐTD1/BVB03 ngày 27/9/2016 và phụ lục số 591/2017/TB-BVB.HCM ngày 26/10/2017 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng, thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 1003165.A.15.HĐTC.HCM ngày 26/10/2015 và các phụ lục đi kèm; bao gồm:

- Hàng hóa (xe ô tô nhãn hiệu Ford) hình thành từ vốn vay, trên cơ sở các đơn đặt hàng hoặc Hợp đồng mua bán với Công ty TNHH Ford Việt Nam;
- Hàng hóa tồn kho mới 100% (xe ô tô nhãn hiệu Ford), có thời gian lưu kho không quá 12 tháng từ ngày Công ty TNHH Ford Việt Nam xuất bán đến ngày Ngân hàng Bảo Việt nhận làm tài sản thế chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(14.4) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng số 10093.17.110.2711499.TD ngày 22/6/2017 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/5/2018; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa số 6331.17.110.11499.BĐ ngày 22/6/2017 và các phụ lục thế chấp từng lần phát sinh; bao gồm:

- Hàng hóa là lô xe mới 100% hình thành từ phương án MB tài trợ;
- Hàng hóa là lô xe hiện hữu thuộc sở hữu của bên đi vay;
- Hợp đồng tiền gửi/ Sổ tiết kiệm/ Bất động sản theo quy định.

(14.5) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM theo hợp đồng tín dụng số 022.HĐTD2-VIB880.16 ngày 26/12/2016 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 26/12/2017, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 06 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô du lịch, xe bán tải hiệu Ford mới hình thành từ vốn vay VIB và/hoặc lô xe ô tô du lịch, xe bán tải hiệu Ford mới thuộc sở hữu của bên vay.

**15. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Năm 2017	Năm 2016
Số dư đầu năm	1.020.517.198	724.798.928
Tăng do trích quỹ	1.085.350.290	452.268.270
Giảm do chi quỹ	(171.400.000)	(156.550.000)
Tăng/(giảm) khác	150.000.000	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.084.467.488</b>	<b>1.020.517.198</b>

**16. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	01/01/2016	Tăng	Giảm	31/12/2016
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	-	-	180.000.000.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	1.822.655.026	904.536.540	-	2.727.191.566
- LNST chưa phân phối	8.707.362.808	21.707.005.810	10.356.804.810	20.057.563.808
<b>Cộng</b>	<b>190.530.017.834</b>	<b>22.611.542.350</b>	<b>10.356.804.810</b>	<b>202.784.755.374</b>

	01/01/2017	Tăng	Giảm	31/12/2017
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	-	-	180.000.000.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	2.727.191.566	2.170.700.582	-	4.897.892.148
- LNST chưa phân phối	20.057.563.808	26.545.896.517	21.256.050.872	25.347.409.453
<b>Cộng</b>	<b>202.784.755.374</b>	<b>28.716.597.099</b>	<b>21.256.050.872</b>	<b>210.245.301.601</b>

**b) Lợi nhuận chưa phân phối**

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	20.057.563.808	8.707.362.808
- Lợi nhuận phát sinh trong năm	26.545.896.517	21.707.005.810
- Chia cổ tức	(18.000.000.000)	(9.000.000.000)
- Trích quỹ Đầu tư và phát triển	(2.170.700.582)	(904.536.540)
- Trích quỹ Khen thưởng và phúc lợi	(1.085.350.290)	(452.268.270)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>25.347.409.453</b>	<b>20.057.563.808</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 180.000.000.000 đồng tương đương 18.000.000 Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phần.

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.000	18.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	<i>10.000 đồng/cp</i>	<i>10.000 đồng/cp</i>

### 17. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

<b>Ngoại tệ các loại:</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- USD	-	-
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813

## VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
<b>a) Doanh thu</b>		
- Doanh thu bán hàng hoá	1.988.371.036.817	1.850.251.365.591
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	112.508.247.155	93.823.992.314
<b>Cộng</b>	<b>2.100.879.283.972</b>	<b>1.944.075.357.905</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Giảm giá hàng bán	46.985.468	-
Hàng bán bị trả lại	3.113.636.363	32.747.840
<b>Cộng doanh thu thuần</b>	<b>2.097.718.662.141</b>	<b>1.944.042.610.065</b>
<b>Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán xe	1.972.856.642.254	1.824.336.546.805
Doanh thu bán phụ tùng, phụ kiện	12.353.772.732	24.263.660.270
Doanh thu cung cấp dịch vụ	110.098.181.173	93.823.992.314
Doanh thu khác	2.410.065.982	1.618.410.676
<b>Cộng</b>	<b>2.097.718.662.141</b>	<b>1.944.042.610.065</b>
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	2.369.671.700	288.316.691
- Công ty CP Ô tô Phú Mỹ	8.523.775.615	6.501.927.707
- Công ty CP Ô tô Nha Trang	5.869.682.897	20.663.935.200
<b>Cộng</b>	<b>16.763.130.212</b>	<b>27.454.179.598</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	Năm 2017	Năm 2016
<b>2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Giá vốn xe đã bán	1.932.991.839.187	1.754.409.101.655
- Giá vốn phụ tùng, phụ kiện đã bán	8.740.735.492	19.940.930.365
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	63.196.069.651	54.678.682.487
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hoàn nhập)	(1.093.837.499)	(833.415.723)
<b>Cộng</b>	<b>2.003.834.806.831</b>	<b>1.828.195.298.784</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	14.430.528	34.191.886
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.355.279.342	2.586.593.008
<b>Cộng</b>	<b>5.369.709.870</b>	<b>2.620.784.894</b>
<b>4. Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
- Chi phí lãi vay	<b>14.376.375.809</b>	<b>9.455.876.499</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
- Chi phí nhân viên	27.886.998.162	28.645.077.252
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.610.574.607	1.179.706.986
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.851.855.641	15.737.093.059
- Chi phí hoa hồng bán hàng, khuyến mãi, hàng tặng	35.065.597.283	25.701.984.820
- Chi phí bằng tiền khác	3.590.480.814	8.094.303.609
<b>Cộng</b>	<b>75.005.506.507</b>	<b>79.358.165.726</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	8.404.208.580	10.067.091.903
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.847.422.762	1.596.860.937
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.965.289.893	5.207.662.847
- Chi phí bằng tiền khác	2.419.563.121	2.415.529.283
<b>Cộng</b>	<b>25.636.484.356</b>	<b>19.287.144.970</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
- Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện từ Ford Việt Nam	30.763.149.900	14.122.325.217
- Xử lý công nợ lâu năm	6.272.032.400	-
- Hỗ trợ chi phí hoạt động	3.719.507.669	-
- Thu nhập khác	733.427.948	655.284.453
<b>Cộng</b>	<b>41.488.117.917</b>	<b>14.777.609.670</b>
<b>8. Chi phí khác</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
- Lỗ từ việc thanh lý tài sản cố định	241.696.999	29.704.745
- Chi phí xử lý nợ không thu hồi được	1.729.193	450.705.072
- Chi phí khác	147.375.450	500.765.065
<b>Cộng</b>	<b>390.801.642</b>	<b>981.174.882</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	Năm 2017	Năm 2016
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	25.332.514.783	24.163.343.768
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	187.114.255	858.939.225
Trừ: Thu nhập chưa chịu thuế kỹ này	(15.628.018.202)	(8.458.576.869)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(6.449.116.841)	(5.038.419.407)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>3.442.493.995</b>	<b>11.525.286.717</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải nộp ước tính năm nay</b>	<b>688.498.799</b>	<b>2.305.057.343</b>
Thuế TNDN phải nộp bổ sung/(hoàn nhập) năm trước điều chỉnh	(262.796.897)	372.896.979
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>425.701.902</b>	<b>2.677.954.322</b>
<b>10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	2.003.834.806.831	1.828.195.298.784
- Chi phí nhân công	36.291.206.742	38.712.169.155
- Chi phí khấu hao	3.457.997.369	2.780.024.034
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.817.145.534	20.944.755.906
- Chi phí khác	41.075.641.218	36.208.361.601
<b>Cộng</b>	<b>2.104.476.797.694</b>	<b>1.926.840.609.480</b>

**VII. Những thông tin khác****1. Thông tin về các bên liên quan****a/ Các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty mẹ
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

**b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan**

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	2.369.671.700
		Mua hàng hóa	7.911.645.409
		Nhận cung cấp dịch vụ	8.734.622.253
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Bán hàng hóa	8.523.775.615
		Mua hàng hóa	13.223.571.303
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Bán hàng hóa	5.869.682.897
		Mua hàng hóa	7.833.055.619
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát		Lương và thù lao	2.002.923.536

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**c/ Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc năm tài chính:**

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty mẹ	Phải thu	104.982.458.922
		Phải thu ký quỹ	28.034.102.400
Công ty CR ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Phải thu	5.482.611.788
		Phải trả	(15.874.177)
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Phải thu	8.697.159.921
		Phải trả	(2.325.072.133)

**2. Thông tin về Báo cáo bộ phận**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh xe, bộ phận dịch vụ sửa chữa, bộ phận kinh doanh phụ tùng, phụ kiện.

**a. Báo cáo bộ phận năm 2017**

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	1.972.856.642.254	112.508.247.155	12.353.772.732	2.097.718.662.141
2. Giá vốn hàng bán	1.932.991.839.187	63.196.069.651	7.646.897.993	2.003.834.806.831
<b>3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>39.864.803.067</b>	<b>49.312.177.504</b>	<b>4.706.874.739</b>	<b>93.883.855.310</b>
4. Tài sản bộ phận	121.965.228.201	1.590.498.398	20.743.427.847	144.299.154.446
5. Tài sản không phân bổ				423.647.582.568
<b>Tổng tài sản</b>				<b>567.946.737.014</b>
6. Nợ phải trả bộ phận				
7. Nợ phải trả không phân bổ				357.701.435.413
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>357.701.435.413</b>

**b. Báo cáo bộ phận năm 2016**

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	1.824.336.546.805	95.442.402.990	24.263.660.270	1.944.042.610.065
2. Giá vốn hàng bán	1.754.409.101.655	54.678.682.487	19.107.514.642	1.828.195.298.784
<b>3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>69.927.445.150</b>	<b>40.763.720.503</b>	<b>5.156.145.628</b>	<b>115.847.311.281</b>
4. Tài sản bộ phận	123.381.146.441	1.057.888.668	19.648.636.369	144.087.671.478
5. Tài sản không phân bổ				329.153.656.906
<b>Tổng tài sản</b>				<b>473.241.328.384</b>
6. Nợ phải trả bộ phận				
7. Nợ phải trả không phân bổ				270.456.573.010
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>270.456.573.010</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

### 3. Công cụ tài chính

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu công ty cổ phần và các cổ đông cá nhân.

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí).

Số liệu về các loại công cụ tài chính:

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và tương đương tiền	5.470.427.708	4.772.989.939	5.470.427.708	4.772.989.939
Phải thu khách hàng	95.078.605.444	101.495.301.728	95.078.605.444	101.495.301.728
Trả trước cho người bán	526.264.017	11.401.793.584	526.264.017	11.401.793.584
Phải thu khác	165.833.210.870	50.256.966.186	165.833.210.870	50.256.966.186
<b>Cộng</b>	<b>266.908.508.039</b>	<b>167.927.051.437</b>	<b>266.908.508.039</b>	<b>167.927.051.437</b>

Công nợ tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	19.043.004.446	16.662.599.801	19.043.004.446	16.662.599.801
Người mua trả tiền trước	7.171.432.528	9.630.321.424	7.171.432.528	9.630.321.424
Vay ngắn và dài hạn	316.802.742.900	226.433.026.876	316.802.742.900	226.433.026.876
Phải trả người lao động	2.705.034.633	5.053.254.234	2.705.034.633	5.053.254.234
Chi phí phải trả	2.140.755.196	1.342.410.298	2.140.755.196	1.342.410.298
Các khoản phải trả khác	6.800.245.752	6.162.838.749	6.800.245.752	6.162.838.749
<b>Cộng</b>	<b>354.663.215.455</b>	<b>265.284.451.382</b>	<b>354.663.215.455</b>	<b>265.284.451.382</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập báo cáo do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về đánh giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch ngoại tệ nên Ban giám đốc tin tưởng rủi ro tỷ giá là không có.

#### Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

### Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có các chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

### Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và hàng hóa cho các khoản vay của Công ty tại ngân hàng (thuyết minh tại mục số 14 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

### Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Tăng	Giảm		
<b>Các khoản đầu tư dài hạn</b>				
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (công ty con)	51.500.000.000	-	51.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>51.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>51.500.000.000</b>	<b>-</b>

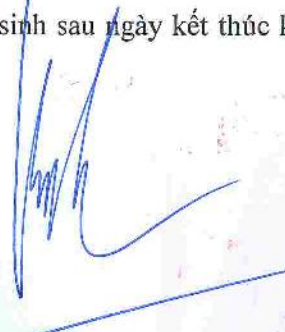
#### 4. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



Võ Chí Tâm  
Người lập biểu

Ngày 01 tháng 3 năm 2018



Lê Thị Phú  
Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh  
Tổng Giám đốc